

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 5 NĂM 2021

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 5/2021 ước tăng 10,12% so với tháng trước; Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 13,88%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,27%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 13,02%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,28% so với tháng trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 5/2021 tăng 10,13% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 12,62%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,15%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 18,52%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,17% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì ở mức tăng 8,7%, cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước (5 tháng đầu năm 2020 tăng 5,1%); Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 4,51%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,0%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 14,51%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 5/2021 duy trì được mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Ván ép tăng 155,07%; lốp xe các loại tăng 28,51%; Quặng inmenit và tinh quặng inmenit tăng 25,6%; điện sản xuất tăng 19,35%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 16,33%; nước tăng lực tăng 11,56%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Bộ com-lê, quần áo tăng 9,64%; điện thương phẩm tăng 7,81%; sắn xe các loại tăng 7,45%; xi măng tăng 6,45%; phân hóa học tăng 5,26%; quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 3,05%; nước máy tăng 0,59%; tinh bột sắn tăng 0,71%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Tấm lợp pro xi măng giảm 20,48%; dăm gỗ giảm 17,27%; Colophan và axit nhựa cây giảm 1,22% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại

2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

Tháng 5/2021, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ gặp khó khăn bởi dịch bệnh và biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid -19, nhiều hoạt động kinh doanh,

dịch vụ phải tạm dừng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng chỉ đạt 2.575,88 tỷ đồng, giảm 5,91% so với tháng trước và tăng 2,22% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 5/2021 ước đạt 2.272,25 tỷ đồng, giảm 4,13% so với tháng trước và chỉ tăng 3,91% so với tháng cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 5/2021 ước đạt 221,87 tỷ đồng, giảm 17,38% so với tháng trước và giảm 8,9% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 221,87 tỷ đồng, giảm 14,11%; dịch vụ khác ước đạt 81,77 tỷ đồng, giảm 5,81% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn năm tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 13.660,43 tỷ đồng, tăng 12,14% so với cùng kỳ năm trước, đạt 37% so với kế hoạch năm 2021. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 11.983,9 tỷ đồng, tăng 11,15% so với cùng kỳ năm trước; Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1.676,53 tỷ đồng, tăng 19,75% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Trình UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí khuyến công tỉnh đợt 1 năm 2021; Hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia năm 2021; Đề xuất giải pháp và định hướng phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ. Tiếp tục đề xuất giải pháp củng cố và nâng thứ bậc chỉ số PCI đối với chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương; Dự thảo Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV thuộc dự án Trạm biến áp 110kV Mỹ Thủy và đấu nối đoạn tuyến đi qua dự án KCN Quảng Trị; Thỏa thuận vị trí trạm biến áp 22/0,4kV và hướng tuyến đường dây 22kV công trình “Xây dựng mới trạm biến áp 22/0,4kV và đường dây 22kV cấp điện trang trại chăn nuôi”; Điều chỉnh phương án đấu nối các Dự án NMDG FP Hướng Lộ và Tân Lập 1 vào hệ thống điện quốc gia; Khảo sát, đề xuất đầu tư dự án điện gió tại xã Cam Nghĩa, Cam Thành, huyện Cam Lộ và xã Linh Trường, huyện Gio Linh.

- Đề nghị UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo tăng cường công tác đảm bảo an ninh, an toàn vận hành Hệ thống điện Quốc gia trên địa bàn tỉnh trong năm 2021. Kiểm tra tiến độ các dự án điện gió và đề xuất thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn; Thực hiện cắt điện để triển khai thi công các công trình thuộc Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ.

- Trình phê duyệt phương án và bố trí kinh phí thực hiện dự trữ hàng hóa phục vụ công tác bình ổn thị trường trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 có những diễn biến mới; Triển khai kết nối doanh nghiệp tỉnh tham gia các sàn thương mại

điện tử trong nước (Shopee, Lazada); Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các tỉnh; Đề xuất dự án, nhiệm vụ thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam năm 2022.

- Hoàn thiện việc rà soát, hoàn thiện xử lý khó khăn, vướng mắc trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Triển khai các nội dung liên quan đến việc công bố Cửa khẩu phụ Tà Rùng được phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân; Hoạt động phát triển thương mại biên giới năm 2021. Báo cáo và xây dựng Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tham gia họp về tiến độ dự án Kho xăng dầu Việt Lào.

- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật tại Sở Công Thương. Tổng hợp rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật; Triển khai các hoạt động nhằm nâng xếp hạng chỉ số B1 năm 2021.

- Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW của Bộ Chính trị Khóa XI Về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu; Ban hành danh mục văn bản điện tử không kèm văn bản giấy. Tổng hợp thời gian xử lý văn bản đến và nhiệm vụ UBND tỉnh giao; Công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

- Triển khai cập nhật thông tin an toàn trong phòng chống dịch lên bản đồ COVID-19 quốc gia; Hoàn thành các nội dung về tổ chức Kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Công Thương; Tổ chức đánh giá phân cấp, định mức chi thường xuyên 2017 - 2020 và đề xuất phương án phân cấp, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025.

- Đôn đốc thực hiện công tác cải cách hành chính; Tham gia xây dựng Đề án thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo cấp phó các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Phối hợp cung cấp thông tin khảo sát phục vụ xây dựng Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị, phiên bản 1.0 và Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, phiên bản 2.0. Phối hợp rà soát, cung cấp, bổ sung các danh mục liên quan đến các TTHC có thu phí, lệ phí; Kiểm tra, đối chiếu tính chính xác của Danh mục và nội dung các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 6 năm 2021

- Chuẩn bị nội dung và làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình phát triển công nghiệp, thương mại; Chương trình phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 và thương mại, dịch vụ logistics xuyên biên giới; Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các nội dung cam kết năm 2021 giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động số 07-CTHĐ/TU ngày 08/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025, định hướng đến 2030. Đôn đốc triển khai thực

hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phân mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh.

- Triển khai thực hiện Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 về việc Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021; Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2021; Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất tỉnh sau khi được phê duyệt. Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 liên quan đến lĩnh vực quản lý trên địa bàn theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh (đợt 1/2021); Tham mưu hỗ trợ Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà đưa Kho cảng xăng dầu Hải Hà vào hoạt động thương mại.

- Chỉ đạo, thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại năm 2021; Hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực. Triển khai các nội dung Ban Chỉ đạo Tạo thuận lợi thương mại tỉnh Quảng Trị.

- Tham mưu giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân (nếu có); Báo cáo công tác pháp chế 6 tháng đầu năm 2021.

- Xây dựng Kế hoạch điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Sở giai đoạn 2021-2025.

- Chuẩn bị báo cáo phục vụ Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm của ngành; Báo cáo kiểm điểm về tình hình thực hiện Chương trình công tác của Tỉnh ủy; các Kết luận và Chương trình công tác trọng tâm UBND tỉnh. Đề xuất các giải pháp nâng cao chỉ số mức độ hoàn thành nhiệm vụ, cải cách hành chính của Sở năm 2021.

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công năm 2021; Tiếp tục phối hợp tổ chức cung ứng dịch vụ công mức độ cao của Sở. Tổ chức chuyển đổi Hệ thống các quy trình ISO 9001:2015 theo hướng dẫn Sở Khoa học Công nghệ.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 5 năm 2021; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hưng

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 01/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 5 và 5 tháng năm 2021

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 4/2021		Dự ước tháng 5/2021			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2021 so với tháng 5/2020
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	161.87	109.62	178.25	110.12	110.13	108.70
1. Công nghiệp khai khoáng	107.37	107.76	122.28	113.88	112.62	104.51
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	164.36	108.89	179.60	109.27	108.15	108.00
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	196.49	114.42	222.08	113.02	118.52	114.51
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	112.61	101.66	115.17	102.28	101.17	100.20

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 02/SCT-BCT
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 5 và 5 tháng năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	988	1019	4631	811	4526	103.17%	125.60%	102.31%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	579.77	650	2787	630	2820	112.03%	103.05%	98.83%
3	Tinh bột sắn	Tấn	5153	2668	36764	2649	36820	51.77%	100.71%	99.85%
4	Bia lon	1000 lít	952	850	5189	48	2047	89.29%	1771%	253.49%
5	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1087	1100	4915	986	4150	101.20%	111.56%	118.43%
6	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2021.25	2103	8554	1918	8051	104.04%	109.64%	106.25%
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	5909	5895	27557	5067	27088	99.76%	116.33%	101.73%
8	Dăm gỗ	Tấn	26751	28723	121187	34717	144075	107.37%	82.73%	84.11%
9	Ván ép	M3	23059	22000	108288	8625	61868	95.41%	255.07%	175.03%
10	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	371	405	1921	410	1901	109.16%	98.78%	101.05%
11	Phân hoá học (NPK)	Tấn	5160	6000	26057	5700	25056	116.28%	105.26%	104.00%

12	Lốp xe các loại	1000 cái	280	284	1419	221	1122	101.43%	128.51%	126.47%
13	Săm xe các loại	1000 cái	370	375	1770	349	1900	101.35%	107.45%	93.16%
14	Xi măng	Tấn	23730	25200	114805	23672	110674	106.19%	106.45%	103.73%
15	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	381	398	2067	500	1883	104.54%	79.52%	109.73%
16	Điện sản xuất	Triệu KWh	91	111	490	93	402	121.98%	119.35%	121.82%
17	Điện thương phẩm	Triệu KWh	58	61	275	57	286	105.22%	107.81%	96.10%
18	Nước máy	1000 m ³	1165	1198	5559	1191	5629	102.83%	100.59%	98.76%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2737.57	2575.88	13660.43	2520.05	12181.77	94.09%	102.22%	112.14%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2370.05	2272.25	11983.90	2186.75	10781.73	95.87%	103.91%	111.15%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		367.52	303.63	1676.53	333.31	1400.04	82.62%	91.10%	119.75%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	258.31	221.87	1175.71	246.50	979.54	85.89%	90.01%	120.03%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		257.41	221.31	1174.26	246.50	977.16	85.97%	89.78%	120.17%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.89	0.56	1.45	-	2.37	63.00%	0.00%	61.27%
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	109.22	81.77	500.82	86.81	420.50	74.86%	94.19%	119.10%